TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀNG MAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/*2019*/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Minh

2. Ông Nguyễn Việt Anh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích N - Sinh năm 1986(có mặt)

Bị đơn: Anh Ong Xuân D - Sinh năm 1990(vắng mặt)

Cùng trú tại: phường L, quận H, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cho Tòa án ngày 12/4/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Bích N trình bày:***

- **Về tình cảm**: Chị và anh Ong Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2015 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh B. Đây là lần kết hôn đầu tiên của vợ chồng chị. Sau khi kết hôn, anh chị sống ở phường L, quận H, Hà Nội cho đến nay. Ngay sau khi kết hôn thì giữa hai vợ chồng đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do

anh D là người chồng, người cha vô trách nhiệm, thường xuyên tụ tập rượu chè, đi qua đêm, chơi bời lô đề, cờ bạc…Trong suốt thời gian chung sống, anh D không mang tiền về chu cấp nuôi con, bỏ bê việc gia đình, không chia sẻ với vợ. Chị bị hành hạ về tinh thần trầm trọng. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ong Xuân D.

- **Về con chung**: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là Ong Thảo T, sinh ngày 08/12/2015. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung. Hiện chị N đang làm tại Công ty C, có địa chỉ tại Tổ dân phố G, phường B, quận H, Hà Nội, thu nhập khoảng 8.500.000 đồng/ tháng. Chị N không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Bích N xác nhận chị đang mang thai 18 tuần tuổi(theo kết quả khám thai của phòng khám V ngày 20/7/2019) là con chung của chị N và anh D. Hai anh chị cam kết sẽ có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho con chung và có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung**: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung**: chị N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Ong Xuân D trình bày trong bản tự khai gửi Tòa án:***

- Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh vẫn còn tình cảm với chị N.

- **Về con chung**: Anh chị xác nhận có 01 con chung là cháu Ong Thảo T, sinh ngày 08/12/2015. Nếu ly hôn, anh đồng ý để mẹ cháu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ong Xuân D cũng xác nhận: chị N đang mang thai 18 tuần tuổi, đây là con chung của anh chị, hai anh chị cam kết sẽ có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho con chung và có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung**: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các khoản nợ chung**: anh D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Nguyễn Bích N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Ong Xuân D. Chị trình bày: vào năm 2018, hai vợ chồng chị đã nộp đơn thuận tình ly hôn lên Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, nhưng sau đó đã lên rút lại đơn để hai vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, từ đó đến nay, tình trạng vợ chồng chị vẫn không hề thay đổi, nếu tiếp tục chung sống với anh D chỉ làm chị tổn thương nhiều hơn mà thôi. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh D đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là Ong Thảo T, sinh ngày 08/12/2015. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung. Chị N không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, chị đang mang thai 18 tuần tuổi, đây là con chung của anh chị, hai anh chị cam kết sẽ có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục khai sinh cho con chung và có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nhà ở chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: chị N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Ong Xuân D đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị N và anh D phát sinh mâu thuẫn đã lâu, đến nay không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Ong Thảo T sinh ngày 08/12/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu anh D đóng góp cấp nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của anh D kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Bích N và anh Ong Xuân D cùng xác nhận chị N đang mang thai 18 tuần tuổi, đây là con chung của anh chị, hai bên thỏa thuận sau khi sinh con, anh chị sẽ có trách nhiệm đi làm thủ tục khai sinh cho cháu, nuôi dưỡng cháu và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và nhà ở chung: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về các khoản nợ chung: anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**: chị Nguyễn Bích N xin ly hôn với anh Ong Xuân D, anh Ong Xuân D hiện trú tại phường L, quận H, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Ong Xuân D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng anh D chỉ nộp cho Tòa án bản tự khai và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không lên Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh D đã tự từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ để phản đối yêu cầu của chị Hằng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

*** Về quan hệ hôn nhân**:

Chị Nguyễn Bích N và anh Ong Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/2015 tại UBND xã C, huyện D, tỉnh B. Do vậy, hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị N và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: ngay sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc . Anh D không đồng ý ly hôn nhưng lại không lên Tòa án để làm việc, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được chứng tỏ anh D không có thiện chí để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại chính quyền địa phương, xin ý kiến của Phòng lao động thương binh và xã hội quận Hoàng Mai. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bích N.

*** Về con chung**: Chị N và anh D cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 01 con chung là Ong Thảo T, sinh ngày 08/12/2015. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con chung nếu anh chị ly hôn.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị N, hội đồng xét xử thấy: chị N hiện đang làm tại Công ty C, có địa chỉ tại Tổ dân phố G, phường B, quận H, Hà Nội, thu nhập khoảng 8.500.000 đồng/ tháng. Con chung của anh chị là con gái và còn rất nhỏ nên cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung sau ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con chung Ong Thảo T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng

nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung cho anh D kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án, chị Nguyễn Bích N và anh Ong Xuân D cùng xác nhận chị N đang mang thai 18 tuần tuổi, đây là con chung của anh chị, hai bên thỏa thuận sau khi sinh con, anh chị sẽ có trách nhiệm đi làm thủ tục khai sinh cho cháu, nuôi dưỡng cháu và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Anh D có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung**: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

***Về các khoản nợ chung**: anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*** Về án phí**: Chị N phải nộp 300.000đồng án phí LHST theo quy định của pháp luật.

*** Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 88 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 39, 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Bích N.

Chị Nguyễn Bích N được ly hôn với anh Ong Xuân D.

2. **Về con chung**: Giao con chung là cháu Ong Thảo T sinh ngày 08/12/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh D kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Bích N và anh Ong Xuân D cùng xác nhận chị N đang mang thai 18 tuần tuổi, đây là con chung của anh chị, hai bên thỏa thuận sau khi sinh

con, anh chị sẽ có trách nhiệm đi làm thủ tục khai sinh cho cháu, nuôi dưỡng cháu và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nhà ở chung**: anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. **Về các khoản nợ chung**: anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. **Về án phí**: Chị Nguyễn Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004147 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. **Về quyền kháng cáo**: Chị Nguyễn Bích N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ong Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Hoàng Mai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA